

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 302/2026/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 01 tháng 8 năm 2026

NGHỊ ĐỊNH

Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa qua Sở giao dịch hàng hóa

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công Thương;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa qua Sở giao dịch hàng hóa.

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa qua Sở giao dịch hàng hóa, bao gồm:

- Hoạt động mua bán hàng hóa qua Sở giao dịch hàng hóa.
- Điều kiện thành lập Sở giao dịch hàng hóa, quyền hạn, trách nhiệm của Sở giao dịch hàng hóa và việc phê duyệt Điều lệ hoạt động của Sở giao dịch hàng hóa.
- Điều kiện hoạt động của thương nhân môi giới mua bán hàng hóa qua Sở giao dịch hàng hóa.
- Các biện pháp quản lý trong trường hợp khẩn cấp.
- Quyền hoạt động mua bán hàng hóa qua Sở giao dịch hàng hóa ở nước ngoài.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với Sở giao dịch hàng hóa và các tổ chức, cá nhân khác liên quan đến hoạt động mua bán hàng hóa qua Sở giao dịch hàng hóa.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Điều lệ hoạt động của Sở giao dịch hàng hóa (sau đây gọi tắt là Điều lệ hoạt động) là Quy tắc điều chỉnh hoạt động giao dịch của Sở giao dịch hàng hóa, của các thành viên và các chủ thể khác liên quan đến hoạt động mua bán hàng hoá qua Sở giao dịch hàng hóa.

2. Điều lệ hoạt động của Trung tâm thanh toán bù trừ là Quy tắc điều chỉnh hoạt động thanh toán bù trừ của Trung tâm thanh toán bù trừ và các chủ thể khác liên quan đến hoạt động mua bán hàng hoá qua Sở giao dịch hàng hóa.

3. Khách hàng là tổ chức, cá nhân không phải là thành viên của Sở giao dịch hàng hóa, thực hiện hoạt động mua bán hàng hóa qua Sở giao dịch hàng hóa thông qua thành viên của Sở giao dịch hàng hóa.

4. Lệnh giao dịch là yêu cầu của khách hàng hoặc thành viên được gửi thông qua hệ thống giao dịch điện tử của Sở giao dịch hàng hóa thể hiện ý chí mua, bán hàng hóa qua Sở giao dịch hàng hóa; đáp ứng các quy định về thông điệp dữ liệu theo pháp luật về giao dịch điện tử; có giá trị pháp lý như văn bản giấy, được coi là căn cứ xác lập quyền và nghĩa vụ của các bên.

5. Ngày giao dịch đầu tiên là ngày hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng quyền chọn được niêm yết để bắt đầu giao dịch.

6. Ngày giao dịch cuối cùng là ngày cuối cùng hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng quyền chọn được phép giao dịch.

7. Biện pháp bảo đảm tư cách thành viên là việc thành viên thực hiện ký quỹ một khoản tiền vào tài khoản thanh toán tại ngân hàng của Sở giao dịch hàng hóa hoặc sử dụng giấy tờ có giá (thuộc sở hữu của mình) theo quy định của pháp luật về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ để bảo đảm tư cách thành viên tại Sở giao dịch hàng hóa.

8. Ký quỹ giao dịch là việc khách hàng hoặc thành viên gửi một khoản tiền vào tài khoản được chỉ định theo quy định của Sở giao dịch hàng hóa để đảm bảo thực hiện giao dịch.

9. Phí thành viên là khoản tiền thành viên phải nộp cho Sở giao dịch hàng hóa phù hợp với quy định tại Điều lệ hoạt động của Sở giao dịch hàng hoá.

10. Phí giao dịch là khoản tiền thành viên, Sở giao dịch hàng hóa thu trên từng giao dịch.

11. Tháng đáo hạn hợp đồng là tháng mà hợp đồng hết hạn hiệu lực, các bên phải thanh toán hoặc giao nhận hàng hóa để thực hiện hợp đồng.

12. Tất toán hợp đồng là việc thanh toán tất cả các nghĩa vụ liên quan đến hợp đồng mà các bên tham gia hợp đồng phải thực hiện.

13. Liên thông là việc kết nối hoạt động của các Sở giao dịch hàng hóa, cho phép khách hàng của Sở giao dịch hàng hóa này có thể giao dịch hợp đồng được niêm yết bởi Sở giao dịch hàng hóa khác.

14. Thanh toán bù trừ giao dịch mua bán hàng hóa qua Sở giao dịch hàng hóa là quá trình thực hiện các nghiệp vụ gồm: ký quỹ, đối chiếu, xác nhận giao dịch, quản lý vị thế, bù trừ, xác định nghĩa vụ thanh toán, chuyển giao tiền hoặc tiền kèm hàng hóa cơ sở vào ngày thanh toán theo quy định.

Điều 4. Quản lý nhà nước

1. Chính phủ thống nhất quản lý hoạt động mua bán hàng hóa qua Sở giao dịch hàng hóa.

2. Bộ Công Thương chịu trách nhiệm trước Chính phủ về quản lý nhà nước đối với hoạt động mua bán hàng hóa qua Sở giao dịch hàng hóa, bao gồm:

a) Trình Chính phủ ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến hoạt động mua bán hàng hóa qua Sở giao dịch hàng hóa;

b) Quyết định việc thành lập và hoạt động của Sở giao dịch hàng hóa, phê chuẩn Điều lệ hoạt động, cấp sửa đổi, bổ sung và cấp lại Giấy phép thành lập Sở giao dịch hàng hóa;

c) Thẩm định và chấp thuận tổ chức đủ điều kiện là Trung tâm thanh toán bù trừ;

d) Thực hiện thủ tục đăng ký liên thông của Sở giao dịch hàng hóa;

đ) Thực hiện các biện pháp quản lý cần thiết trong trường hợp khẩn cấp;

e) Tổ chức kiểm tra các hoạt động liên quan đến mua bán hàng hóa qua Sở giao dịch hàng hóa;

g) Quản lý, giám sát thị trường mua bán hàng hóa qua Sở giao dịch hàng hóa, hoạt động ký quỹ, thanh toán, tất toán hợp đồng, quản lý rủi ro;

h) Thực hiện các nội dung quản lý nhà nước khác theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Công Thương.

3. Bộ Tài chính thực hiện quản lý nhà nước đối với giao dịch hàng hóa, bao gồm:

a) Phối hợp với Bộ Công Thương trong việc thẩm tra tính khả thi của việc thành lập Sở giao dịch hàng hóa;

b) Phối hợp với Bộ Công Thương thực hiện quản lý, giám sát thị trường mua bán hàng hóa qua Sở giao dịch hàng hóa, hoạt động ký quỹ, thanh toán, tất toán hợp đồng, quản lý rủi ro.

4. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phối hợp với Bộ Công Thương trong quản lý hoạt động thanh toán, chuyển tiền ra nước ngoài liên quan đến hoạt động mua bán hàng hóa qua Sở giao dịch hàng hóa ở nước ngoài thông qua các Sở giao dịch hàng hóa ở Việt Nam có liên thông với Sở giao dịch hàng hóa ở nước ngoài.

5. Bộ Công an phối hợp thẩm tra hệ thống công nghệ thông tin của Sở giao dịch hàng hóa, phối hợp đánh giá việc ảnh hưởng đến an ninh kinh tế - tài chính, trật tự, an toàn xã hội trong một số trường hợp xảy ra hiện tượng rối loạn thị trường; chủ trì công tác phòng ngừa, phát hiện, điều tra và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật, tội phạm về an ninh mạng, an ninh thông tin mạng, an ninh dữ liệu và các lĩnh vực khác theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

6. Các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện việc quản lý hoạt động mua bán hàng hóa qua Sở giao dịch hàng hóa trong phạm vi, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

Chương II

THÀNH LẬP SỞ GIAO DỊCH HÀNG HOÁ

Điều 5. Điều kiện thành lập Sở giao dịch hàng hóa

Doanh nghiệp đề nghị thành lập Sở giao dịch hàng hóa phải đáp ứng các điều kiện sau:

1. Là doanh nghiệp thành lập tại Việt Nam, trường hợp là doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổng tỷ lệ vốn góp của các nhà đầu tư nước ngoài không được quá 49%.

2. Vốn điều lệ từ 1.500 tỷ đồng (một nghìn năm trăm tỷ đồng) trở lên.

3. Có hệ thống công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu quản lý, vận hành an toàn, ổn định và bảo mật, bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

a) Nền tảng giao dịch điện tử bảo đảm hoạt động thông suốt, an toàn, có khả năng xử lý và lưu trữ dữ liệu giao dịch, sửa lệnh, hủy lệnh, kết quả khớp lệnh theo thời gian thực;

b) Có khả năng kết nối, trao đổi dữ liệu với Trung tâm thanh toán bù trừ nhằm bảo đảm hoạt động ký quỹ, thanh toán bù trừ và quản lý rủi ro trong giao dịch được thực hiện chính xác, kịp thời;

c) Hệ thống giám sát giao dịch có khả năng theo dõi, phát hiện, cảnh báo và lưu giữ dữ liệu phục vụ công tác quản lý, giám sát hoạt động giao dịch hàng hóa;

d) Yêu cầu về an ninh mạng, an ninh thông tin mạng, an ninh dữ liệu và dự phòng bảo đảm tiêu chuẩn kỹ thuật và khả năng khôi phục hệ thống khi xảy ra sự cố;

đ) Có khả năng kết nối với thành viên và cơ quan quản lý nhà nước bảo đảm tính mở, an toàn, đồng bộ và cung cấp dữ liệu chính xác, minh bạch.

Chi tiết yêu cầu hệ thống công nghệ thông tin quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này.

4. Có mô hình, tổ chức hoạt động của Sở giao dịch hàng hóa và có giải pháp, lộ trình niêm yết hàng hóa sản xuất tại Việt Nam.

5. Có Dự thảo Điều lệ hoạt động đáp ứng quy định tại Điều 13 Nghị định này.

Điều 6. Hồ sơ đề nghị thành lập Sở giao dịch hàng hóa

1. Văn bản đề nghị thành lập Sở giao dịch hàng hóa theo Mẫu 01.GĐN quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này.

2. Báo cáo mô tả hệ thống công nghệ thông tin và các tài liệu chứng minh đáp ứng điều kiện về hệ thống công nghệ thông tin theo quy định tại khoản 3 Điều 5 của Nghị định này.

3. Đề án giải trình về mô hình, tổ chức hoạt động của Sở giao dịch hàng hóa và giải pháp, lộ trình niêm yết hàng hóa sản xuất tại Việt Nam trong thời gian 05 năm.

4. Dự thảo Điều lệ hoạt động của Sở giao dịch hàng hóa phù hợp với quy định tại Điều 13 Nghị định này.

Bộ Công Thương hướng dẫn chi tiết quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này.

Điều 7. Cấp Giấy phép thành lập Sở giao dịch hàng hóa

1. Bộ Công Thương là cơ quan tiếp nhận hồ sơ và chịu trách nhiệm thẩm tra các điều kiện và hồ sơ đề nghị thành lập Sở giao dịch hàng hóa theo quy định tại Nghị định này.

2. Trong quá trình thẩm tra, Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ quy định tại Điều 4 của Nghị định này để đánh giá hồ sơ đề nghị thành lập Sở giao dịch hàng hóa. Thời hạn trả lời bằng văn bản không quá 07 ngày làm việc.

3. Trình tự cấp Giấy phép thành lập Sở giao dịch hàng hóa

a) Doanh nghiệp nộp 01 bộ hồ sơ về Bộ Công Thương theo một trong ba cách: gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia. Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính, thành phần hồ sơ là bản chính hoặc bản sao; trường hợp nộp hồ sơ qua Cổng dịch vụ công quốc gia, thành phần hồ sơ là bản điện tử theo quy định của pháp luật;

b) Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ của doanh nghiệp, Bộ Công Thương có văn bản yêu cầu doanh nghiệp sửa đổi, bổ sung; trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản, doanh nghiệp có trách nhiệm bổ sung hồ sơ gửi Bộ Công Thương;

c) Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ Công Thương có trách nhiệm thẩm tra, cấp Giấy phép thành lập Sở giao dịch hàng hóa và phê chuẩn Điều lệ hoạt động của Sở giao dịch hàng hóa trong trường hợp đáp ứng đủ điều kiện theo quy định. Trường hợp từ chối cấp Giấy phép, Bộ Công Thương trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do từ chối.

Điều 8. Giấy phép thành lập Sở giao dịch hàng hóa

Nội dung của Giấy phép thành lập Sở giao dịch hàng hóa (sau đây gọi tắt là Giấy phép thành lập) theo Mẫu số 01.GP quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này. Giấy phép thành lập được cấp dưới hình thức bản giấy và bản điện tử theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập

1. Trường hợp có thay đổi nội dung của Giấy phép thành lập hoặc Điều lệ hoạt động, doanh nghiệp nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép gửi về Bộ Công Thương theo một trong ba cách: gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia. Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính, thành phần hồ sơ là bản chính hoặc bản sao; trường hợp nộp hồ sơ qua Cổng dịch vụ công quốc gia, thành phần hồ sơ là bản điện tử theo quy định của pháp luật.

2. Hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập gồm có:

a) Văn bản đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập theo Mẫu số 02.GĐN quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Các tài liệu chứng minh yêu cầu sửa đổi, bổ sung.

3. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Bộ Công Thương có văn bản yêu cầu doanh nghiệp sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản, doanh nghiệp có trách nhiệm bổ sung hồ sơ gửi Bộ Công Thương.

Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ nêu tại khoản 2 Điều này, Bộ Công Thương quyết định việc sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập; trường hợp không sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập Sở giao dịch hàng hóa, Bộ Công Thương thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Điều 10. Cấp lại Giấy phép thành lập

1. Trường hợp Giấy phép bị mất, bị rách hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác, trình tự thủ tục cấp lại như sau:

a) Doanh nghiệp nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép thành lập gửi về Bộ Công Thương theo một trong ba cách: gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia. Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính, thành phần hồ sơ là bản chính hoặc bản sao; trường hợp nộp hồ sơ qua Cổng dịch vụ công quốc gia, thành phần hồ sơ là bản điện tử theo quy định của pháp luật;

b) Hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép thành lập gồm có văn bản đề nghị cấp lại Giấy phép thành lập theo Mẫu số 03.GĐN quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này;

c) Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Bộ Công Thương có văn bản yêu cầu doanh nghiệp sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản, doanh nghiệp có trách nhiệm bổ sung hồ sơ gửi Bộ Công Thương.

Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ Công Thương quyết định cấp lại Giấy phép thành lập.

2. Trường hợp Giấy phép thành lập có sai sót, nhầm lẫn, trình tự thủ tục cấp lại như sau:

a) Bộ Công Thương thông báo thu hồi Giấy phép và yêu cầu Sở giao dịch hàng hóa nộp lại bản gốc Giấy phép có sai sót;

b) Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo thu hồi của Bộ Công Thương, Sở giao dịch hàng hóa nộp bản gốc Giấy phép có sai sót về Bộ Công Thương theo một trong hai hình thức: nộp trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính;

c) Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được bản gốc Giấy phép có sai sót, Bộ Công Thương quyết định cấp lại Giấy phép thành lập.

Điều 11. Tạm đình chỉ hoạt động

1. Bộ Công Thương quyết định tạm đình chỉ một, một số hoặc toàn bộ hoạt động của Sở giao dịch hàng hóa trong các trường hợp hệ thống giao dịch, thanh toán bù trừ hoặc giao nhận hàng hoá phát sinh sự cố nghiêm trọng, tiềm ẩn rủi ro mất an toàn thị trường hoặc ảnh hưởng đến an ninh, an toàn kinh tế nhưng có khả năng khắc phục.

2. Thời hạn tạm đình chỉ hoạt động được quy định cụ thể trong quyết định của Bộ Công Thương, căn cứ vào mức độ và tính chất của vi phạm. Trường hợp Sở giao dịch hàng hóa không khắc phục được nguyên nhân dẫn đến việc tạm đình chỉ sau thời hạn theo quyết định, Bộ Công Thương xem xét, quyết định thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều 12 của Nghị định này.

3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày quyết định tạm đình chỉ hoạt động có hiệu lực, Bộ Công Thương có trách nhiệm gửi quyết định tạm đình chỉ đến Sở giao dịch hàng hóa bị tạm đình chỉ hoạt động và các cơ quan, đơn vị liên quan; công bố thông tin tạm đình chỉ hoạt động trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Công Thương.

4. Sở giao dịch hàng hóa bị đình chỉ có trách nhiệm thông báo kịp thời cho các thành viên, khách hàng và tổ chức có liên quan về việc tạm đình chỉ hoạt động; thực hiện các biện pháp bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của khách hàng và thành viên.

5. Việc tạm đình chỉ hoạt động không thay thế hoặc loại trừ trách nhiệm xử lý vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm của Sở giao dịch hàng hóa hoặc các bên có liên quan theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Thu hồi Giấy phép thành lập

1. Bộ Công Thương quyết định thu hồi Giấy phép thành lập trong các trường hợp sau:

a) Hồ sơ đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung, cấp lại Giấy phép thành lập có nội dung gian dối hoặc tài liệu giả mạo;

b) Không duy trì, đáp ứng điều kiện thành lập Sở giao dịch hàng hóa theo quy định tại Điều 5 Nghị định này hoặc không thực hiện đúng lộ trình niêm yết hàng hóa sản xuất tại Việt Nam;

c) Sở giao dịch hàng hóa không hoạt động tại trụ sở chính trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày được cấp Giấy phép thành lập, Giấy phép sửa đổi, bổ sung;

d) Không phát sinh giao dịch trong thời gian 12 tháng liên tục mà không thông báo với Bộ Công Thương;

đ) Không thực hiện báo cáo hoạt động theo quy định của Nghị định này trong thời gian 12 tháng liên tục;

e) Không thực hiện kết nối dữ liệu giao dịch trong thời gian 45 ngày liên tục;

g) Doanh nghiệp được cấp Giấy phép thành lập bị Toà án tuyên bố phá sản hoặc quyết định giải thể theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp;

h) Các trường hợp đặc biệt khác vì lý do quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia;

i) Sau khi đã bị tạm đình chỉ hoạt động theo quy định tại Điều 11 của Nghị định này mà không khắc phục được nguyên nhân dẫn đến tạm đình chỉ sau thời hạn theo quyết định;

2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc tính từ ngày quyết định thu hồi giấy phép có hiệu lực, Bộ Công Thương có trách nhiệm gửi quyết định thu hồi đến Sở giao dịch hàng hóa bị thu hồi giấy phép và các cơ quan, đơn vị liên quan; công bố thông tin thu hồi giấy phép trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Công Thương.

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định thu hồi Giấy phép, doanh nghiệp có trách nhiệm nộp lại bản gốc Giấy phép cho Bộ Công Thương. Doanh nghiệp bị thu hồi Giấy phép có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của khách hàng, thành viên và các bên có liên quan; đồng thời thực hiện việc chấm dứt hoạt động theo quy định của pháp luật. Sau khi hoàn thành các nghĩa vụ nêu trên, doanh nghiệp bị thu hồi Giấy phép phải báo cáo kết quả thực hiện cho Bộ Công Thương.

Điều 13. Điều lệ hoạt động của Sở giao dịch hàng hóa

1. Điều lệ hoạt động của Sở giao dịch hàng hóa phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Quy định về cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của các bộ phận chuyên môn, hệ thống kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro;

b) Điều kiện, thủ tục, quyền và nghĩa vụ của các loại thành viên của Sở giao dịch hàng hóa;

c) Quy trình, phương thức giao dịch, các loại lệnh giao dịch, thời gian giao dịch và nguyên tắc khớp lệnh;

d) Cơ chế ký quỹ, thanh toán bù trừ, giao nhận hàng hóa và xử lý vi phạm nghĩa vụ thanh toán, giao hàng trong hoạt động giao dịch qua Sở giao dịch hàng hóa;

đ) Biện pháp bảo đảm an toàn hệ thống giao dịch, quản lý rủi ro và xử lý sự cố;

e) Cơ chế công bố thông tin, báo cáo và lưu trữ dữ liệu giao dịch;

g) Nguyên tắc, trình tự, cơ chế giám sát giao dịch và xử lý hành vi vi phạm của thành viên, khách hàng;

h) Quyền hạn, trách nhiệm của Sở giao dịch hàng hóa trong việc quản lý thành viên, giám sát thị trường và phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước;

i) Nguyên tắc phối hợp giữa Sở giao dịch hàng hóa và Trung tâm thanh toán bù trừ trong việc vận hành hệ thống giao dịch, quản lý ký quỹ, thanh toán bù trừ và kiểm soát rủi ro, quản lý thành viên;

k) Cơ chế giải quyết tranh chấp phát sinh trong hoạt động giao dịch qua Sở giao dịch hàng hóa, bao gồm tranh chấp giữa Sở giao dịch hàng hóa với Trung tâm thanh toán bù trừ, giữa thành viên với Sở giao dịch hàng hóa hoặc Trung tâm thanh toán bù trừ;

l) Trình tự, thủ tục sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động;

m) Mẫu đặc tả hợp đồng của các loại hàng hóa giao dịch qua Sở giao dịch hàng hóa.

2. Điều lệ hoạt động của Sở giao dịch hàng hóa không được trái với pháp luật hiện hành và quy định tại Nghị định này.

Điều 14. Phê chuẩn Điều lệ hoạt động sửa đổi, bổ sung của Sở giao dịch hàng hóa

1. Trường hợp có thay đổi nội dung Điều lệ hoạt động của Sở giao dịch hàng hóa được quy định tại Điều 13 Nghị định này, Sở giao dịch hàng hóa gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị phê chuẩn Điều lệ hoạt động về Bộ Công Thương theo một trong ba cách: gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia. Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính, thành phần hồ sơ là bản chính hoặc bản sao; trường hợp nộp hồ sơ qua Cổng dịch vụ công quốc gia, thành phần hồ sơ là bản điện tử theo quy định của pháp luật.

2. Thành phần hồ sơ gồm:

a) Giấy đề nghị phê chuẩn Điều lệ hoạt động sửa đổi, bổ sung theo Mẫu số 04. GĐN quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Dự thảo Điều lệ.

3. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Bộ Công Thương có văn bản yêu cầu doanh nghiệp sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản, doanh nghiệp có trách nhiệm bổ sung hồ sơ gửi Bộ Công Thương.

Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ của Sở giao dịch hàng hóa nêu tại khoản 2 Điều này, Bộ Công Thương quyết định phê chuẩn việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ hoạt động của Sở giao dịch hàng hóa. Trường hợp không phê chuẩn Điều lệ sửa đổi, bổ sung của Sở giao dịch hàng hóa, Bộ Công Thương thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Điều 15. Quyền hạn và trách nhiệm của Sở giao dịch hàng hóa

1. Công bố và tổ chức thực hiện Điều lệ hoạt động của Sở giao dịch hàng hóa sau khi được Bộ Công Thương phê chuẩn.
2. Duy trì điều kiện thành lập và tuân thủ quy định của pháp luật, bảo đảm tổ chức, vận hành thị trường công bằng, minh bạch.
3. Chấp thuận, đình chỉ hoặc chấm dứt tư cách thành viên theo quy định của pháp luật và Điều lệ hoạt động.
4. Giám sát việc tuân thủ nghĩa vụ của thành viên; xử lý vi phạm theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý.
5. Phối hợp với Trung tâm thanh toán bù trừ trong việc tổ chức vận hành hệ thống ký quỹ, thanh toán bù trừ và giao nhận hàng hóa theo quy định của pháp luật và Điều lệ hoạt động của Sở giao dịch hàng hóa.
6. Triển khai lộ trình niêm yết hàng hoá sản xuất tại Việt Nam theo hồ sơ đề nghị cấp phép.
7. Giám sát hoạt động giao dịch nhằm phát hiện, ngăn chặn hành vi vi phạm như thao túng giá, gian lận, rửa tiền và các hành vi bị cấm khác.
8. Áp dụng các biện pháp cảnh báo, giới hạn vị thế, giới hạn giao dịch, đình chỉ giao dịch trong phạm vi thẩm quyền để bảo đảm an toàn thị trường.
9. Phối hợp với Trung tâm thanh toán bù trừ để áp dụng các biện pháp cần thiết trong trường hợp phát sinh sự cố kỹ thuật, rủi ro thanh toán hoặc các tình huống có thể ảnh hưởng đến an toàn thị trường và kịp thời báo cáo Bộ Công Thương.
10. Báo cáo và cung cấp thông tin cho Bộ Công Thương về hoạt động giao dịch, quản lý rủi ro và an toàn thị trường, bao gồm quy trình quản trị rủi ro, mức ký quỹ, giới hạn vị thế, biên độ giá và các nội dung điều chỉnh liên quan theo quy định.
11. Bảo đảm hạ tầng công nghệ thông tin, hệ thống giao dịch hoạt động an toàn, liên tục, có khả năng dự phòng và phòng ngừa rủi ro sự cố.
12. Kết nối hệ thống công nghệ thông tin với cơ quan quản lý nhà nước để truyền dữ liệu giao dịch phục vụ công tác giám sát.
13. Công bố kịp thời, đầy đủ nội dung Giấy phép thành lập, Điều lệ hoạt động và các thông tin khác theo quy định của pháp luật.
14. Yêu cầu thành viên, khách hàng cung cấp thông tin, tài liệu cần thiết để phục vụ cho việc giám sát, thanh tra, kiểm tra hoạt động giao dịch.

15. Phối hợp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc cung cấp thông tin theo quy định của pháp luật; thực hiện việc thông báo, đơn đốc thành viên, khách hàng thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế, phí và các nghĩa vụ tài chính khác phát sinh từ hoạt động giao dịch.

16. Thu phí dịch vụ giao dịch, phí thành viên, phí sử dụng hệ thống và các khoản phí hợp pháp khác.

17. Tổ chức đào tạo, phổ biến kiến thức, hướng dẫn nghiệp vụ cho thành viên và khách hàng.

18. Trường hợp Sở giao dịch hàng hóa nước ngoài gặp sự cố, ngừng giao dịch hoặc các tình huống khác có thể ảnh hưởng đến quyền lợi của khách hàng, Sở giao dịch hàng hóa có trách nhiệm xử lý để đảm bảo quyền lợi của khách hàng và kịp thời báo cáo Bộ Công Thương.

19. Được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền xem xét, hỗ trợ trong việc niêm yết và phát triển giao dịch đối với hàng hóa sản xuất tại Việt Nam.

20. Thực hiện quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

Điều 16. Trung tâm thanh toán bù trừ

1. Trung tâm thanh toán bù trừ là tổ chức trung gian thực hiện hoạt động thanh toán bù trừ cho các giao dịch mua bán hàng hóa qua Sở giao dịch hàng hóa.

2. Trung tâm thanh toán bù trừ là doanh nghiệp được thành lập theo Luật Doanh nghiệp có vốn điều lệ tối thiểu 500 tỷ đồng, có hệ thống công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này và phù hợp, kết nối với hệ thống công nghệ thông tin của Sở giao dịch hàng hóa.

3. Thẩm định và chấp thuận tổ chức đủ điều kiện là Trung tâm thanh toán bù trừ.

a) Bộ Công Thương thẩm định hồ sơ và chấp thuận tổ chức đủ điều kiện là Trung tâm thanh toán bù trừ;

b) Doanh nghiệp nộp 01 (một) bộ hồ sơ đề nghị chấp thuận đủ điều kiện là Trung tâm thanh toán bù trừ về Bộ Công Thương theo một trong ba cách: gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia; Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính, thành phần hồ sơ là bản chính hoặc bản sao; trường hợp nộp hồ sơ qua Cổng dịch vụ công quốc gia, thành phần hồ sơ là bản điện tử theo quy định của pháp luật;

c) Hồ sơ đề nghị chấp thuận bao gồm: Văn bản đề nghị chấp thuận đủ điều kiện là Trung tâm thanh toán bù trừ theo Mẫu số 06.GĐN quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này; Điều lệ hoạt động của Trung tâm thanh toán bù trừ; tài liệu chứng minh việc đáp ứng đầy đủ các điều kiện để tổ chức Trung tâm thanh toán bù trừ theo quy định tại Nghị định này;

d) Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Bộ Công Thương có văn bản yêu cầu doanh nghiệp sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản, doanh nghiệp có trách nhiệm bổ sung hồ sơ gửi Bộ Công Thương.

Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Công Thương tổ chức thẩm định và ban hành văn bản chấp thuận theo Mẫu số 03/QĐ-TTBT quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này. Trường hợp không chấp thuận, Bộ Công Thương có văn bản trả lời, nêu rõ lý do.

4. Trung tâm thanh toán bù trừ được thực hiện dịch vụ thanh toán bù trừ cho một hoặc nhiều Sở giao dịch hàng hóa.

5. Quyền hạn và trách nhiệm của Trung tâm thanh toán bù trừ:

a) Quản lý ký quỹ của các thành viên và thực hiện việc tính toán, bù trừ vị thế sau giao dịch;

b) Thực hiện các biện pháp quản lý rủi ro, bao gồm yêu cầu nộp bổ sung ký quỹ, áp dụng quỹ bảo đảm, cơ chế xử lý khi thành viên mất khả năng thanh toán;

c) Báo cáo Bộ Công Thương về quy trình quản trị rủi ro bao gồm các nguyên tắc về tính toán ký quỹ, giới hạn vị thế, biên độ giá, khi niêm yết hàng hoá sản xuất tại Việt Nam và thông báo Bộ Công Thương khi có thay đổi;

d) Thiết lập cơ chế giám sát, phòng ngừa, ứng cứu và khắc phục sự cố hệ thống trong thời hạn theo quy định;

đ) Công bố kịp thời các quy tắc bù trừ, thanh toán, quản lý rủi ro;

e) Cung cấp đầy đủ thông tin cho thành viên, cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức liên quan theo quy định;

g) Báo cáo định kỳ và đột xuất về hoạt động thanh toán bù trừ, quản lý rủi ro cho cơ quan quản lý nhà nước;

h) Tuân thủ các quy định về phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố;

i) Phối hợp với Sở giao dịch hàng hóa trong việc xử lý sự cố thanh toán, rủi ro hệ thống hoặc tranh chấp phát sinh trong quá trình thanh toán bù trừ; kịp thời báo cáo Bộ Công Thương khi sự cố có thể ảnh hưởng đến an toàn thị trường;

k) Các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật và quyết định của cơ quan quản lý có thẩm quyền.

Điều 17. Báo cáo hoạt động, kết nối dữ liệu giao dịch

1. Sở giao dịch hàng hóa và Trung tâm thanh toán bù trừ có trách nhiệm thực hiện báo cáo hoạt động, kết nối dữ liệu giao dịch đến Bộ Công Thương.
2. Bộ Công Thương hướng dẫn chi tiết quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 18. Đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực mua bán hàng hoá qua Sở giao dịch hàng hoá

1. Nhà đầu tư nước ngoài có quyền góp vốn vào doanh nghiệp đã được cấp phép thành lập Sở giao dịch hàng hóa tại Việt Nam với tỉ lệ cổ phần, phần vốn góp không quá 49% vốn điều lệ.
2. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đáp ứng điều kiện theo quy định được đề nghị thành lập Sở giao dịch hàng hoá.
3. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đáp ứng điều kiện theo quy định được đăng ký làm thành viên của Sở giao dịch hàng hóa.
4. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, người nước ngoài có tài khoản mở tại ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam được tham gia giao dịch mua bán hàng hoá qua Sở giao dịch hàng hoá.

Chương III THÀNH VIÊN CỦA SỞ GIAO DỊCH HÀNG HÓA

Điều 19. Thành viên của Sở giao dịch hàng hóa

1. Thành viên kinh doanh được thực hiện hoạt động tự doanh và hoạt động môi giới mua bán hàng hóa qua Sở giao dịch hàng hóa.
2. Thành viên môi giới chỉ được thực hiện hoạt động môi giới hàng hóa qua Sở giao dịch hàng hóa.
3. Thành viên lưu ký, giao nhận hàng hoá là tổ chức được Sở giao dịch hàng hóa chỉ định thực hiện việc lưu ký, bảo quản, giao nhận hàng hoá đối với các giao dịch có phương thức giao nhận vật chất.

Điều 20. Chấp thuận tư cách thành viên Sở giao dịch hàng hóa

1. Doanh nghiệp có nguyện vọng trở thành thành viên của Sở giao dịch hàng hóa có quyền đề nghị Sở giao dịch hàng hóa chấp thuận tư cách thành viên.

2. Căn cứ các điều kiện quy định tại Nghị định này và Điều lệ hoạt động, Sở giao dịch hàng hóa xem xét việc chấp thuận tư cách thành viên cho doanh nghiệp.

3. Trường hợp từ chối chấp thuận tư cách thành viên, Sở giao dịch hàng hóa phải trả lời doanh nghiệp bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Điều 21. Thành viên kinh doanh

1. Thành viên kinh doanh phải đáp ứng các điều kiện sau:

- a) Là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- b) Vốn điều lệ từ 75 tỷ đồng (bảy mươi lăm tỷ đồng) trở lên;
- c) Các điều kiện khác theo quy định của Điều lệ hoạt động.

2. Quyền của thành viên kinh doanh

- a) Thực hiện hoạt động môi giới, hoạt động tự doanh hoặc nhận ủy thác mua bán hàng hóa qua Sở giao dịch hàng hóa cho khách hàng;
- b) Yêu cầu khách hàng ký quỹ để đảm bảo thực hiện giao dịch trong trường hợp nhận ủy thác thực hiện việc mua bán hàng hóa qua Sở giao dịch hàng hóa cho khách hàng;
- c) Các quyền khác theo quy định của Nghị định này và Điều lệ hoạt động.

3. Nghĩa vụ của thành viên kinh doanh

- a) Thực hiện biện pháp bảo đảm tư cách thành viên, ký quỹ giao dịch trước khi thực hiện các giao dịch qua Sở giao dịch hàng hóa;
- b) Nộp phí thành viên, phí giao dịch và các loại phí khác theo quy định của Điều lệ hoạt động của Sở giao dịch hàng hóa;
- c) Thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro và giám sát, ngăn ngừa những xung đột lợi ích trong nội bộ và trong giao dịch;
- d) Trong trường hợp nhận ủy thác, phải ký kết hợp đồng ủy thác bằng văn bản với khách hàng và chỉ được thực hiện giao dịch cho khách hàng khi nhận được lệnh ủy thác giao dịch từ khách hàng;
- đ) Cung cấp đầy đủ, trung thực và kịp thời thông tin cho khách hàng;
- e) Lưu giữ các chứng giao dịch với khách hàng;
- g) Ưu tiên thực hiện lệnh ủy thác giao dịch của khách hàng trước lệnh giao dịch tự doanh;

h) Đảm bảo hạch toán riêng hoạt động mua bán hàng hóa qua Sở giao dịch hàng hóa của từng khách hàng và tự doanh;

i) Thực hiện đầy đủ trách nhiệm bảo vệ dữ liệu cá nhân của khách hàng theo quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân; bảo đảm an toàn, bảo mật thông tin cá nhân trong quá trình thu thập, lưu giữ, sử dụng và xử lý thông tin của khách hàng;

k) Các nghĩa vụ khác theo quy định của Nghị định này và Điều lệ hoạt động của Sở giao dịch hàng hóa.

Điều 22. Thành viên môi giới

1. Thành viên môi giới phải đáp ứng các điều kiện sau:

- a) Là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- b) Vốn điều lệ tối thiểu từ 05 tỷ đồng (năm tỷ đồng) trở lên;
- c) Các điều kiện khác theo quy định của Điều lệ hoạt động của Sở giao dịch hàng hóa.

2. Quyền và nghĩa vụ của thành viên môi giới

a) Quyền và nghĩa vụ của thành viên môi giới thực hiện theo Luật Thương mại và Điều lệ hoạt động của Sở giao dịch hàng hóa;

b) Tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân; có trách nhiệm bảo mật, lưu giữ và không tiết lộ thông tin cá nhân của khách hàng, trừ trường hợp theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 23. Chấm dứt tư cách thành viên

Sở giao dịch hàng hóa chấm dứt tư cách thành viên trong các trường hợp sau đây:

- 1. Thành viên không còn đáp ứng các điều kiện theo quy định.
- 2. Thành viên giải thể, phá sản hoặc chấm dứt hoạt động theo quy định của pháp luật.
- 3. Thành viên tự đề nghị chấm dứt tư cách thành viên và được Sở giao dịch hàng hóa chấp thuận theo quy định của Điều lệ hoạt động.
- 4. Thành viên có hành vi vi phạm thuộc trường hợp chấm dứt tư cách thành viên theo quy định của Điều lệ hoạt động hoặc quy định của pháp luật.

Điều 24. Trách nhiệm của thành viên khi chấm dứt tư cách thành viên

1. Doanh nghiệp khi chấm dứt tư cách thành viên phải thông báo cho khách hàng về lý do chấm dứt tư cách thành viên và việc thực hiện nghĩa vụ hợp đồng theo ủy thác của khách hàng.

2. Trong trường hợp chấm dứt tư cách thành viên theo quy định tại Nghị định này, Sở giao dịch hàng hóa có quyền yêu cầu thành viên đó phải ủy nhiệm cho thành viên khác thực hiện nghĩa vụ hợp đồng. Trường hợp thành viên bị chấm dứt không ủy nhiệm được thì Sở giao dịch hàng hóa có quyền chỉ định thành viên khác thực hiện.

3. Doanh nghiệp chấm dứt tư cách thành viên có nghĩa vụ chuyển giao các thông tin cần thiết về khách hàng cho thành viên nhận ủy nhiệm hoặc được chỉ định.

4. Sau khi việc ủy nhiệm hoặc chỉ định thành viên thực hiện nghĩa vụ hợp đồng theo quy định tại khoản 2 Điều này được thực hiện, tiền ký quỹ của khách hàng cho thành viên bị chấm dứt tư cách thành viên phải được chuyển thành tiền ký quỹ của khách hàng cho thành viên kinh doanh nhận ủy nhiệm hoặc được chỉ định.

5. Doanh nghiệp chấm dứt tư cách thành viên phải trả phí thực hiện nghĩa vụ hợp đồng cho doanh nghiệp mình ủy nhiệm hoặc được Sở giao dịch hàng hóa chỉ định theo quy định tại Điều lệ hoạt động của Sở giao dịch hàng hóa.

6. Doanh nghiệp khi chấm dứt tư cách thành viên phải thực hiện các nghĩa vụ đã phát sinh với khách hàng và các chủ thể khác liên quan đến hoạt động giao dịch của mình tại Sở giao dịch hàng hóa; trường hợp gây thiệt hại cho khách hàng thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

Chương IV

MUA BÁN HÀNG HOÁ QUA SỞ GIAO DỊCH HÀNG HOÁ

Điều 25. Quyền và trách nhiệm của cá nhân, thương nhân tham gia giao dịch

1. Mọi cá nhân, thương nhân được tham gia giao dịch qua Sở giao dịch hàng hóa.

2. Cá nhân, thương nhân tham gia giao dịch qua Sở giao dịch hàng hóa có trách nhiệm tuân thủ quy định của pháp luật chuyên ngành về mua bán hàng hóa qua Sở giao dịch hàng hóa và Điều lệ hoạt động, quy chế hoạt động của Sở giao dịch hàng hóa và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều 26. Hàng hóa mua bán qua Sở giao dịch hàng hóa

1. Hàng hóa được phép mua bán qua Sở giao dịch hàng hóa là hàng hóa không thuộc ngành nghề cấm đầu tư kinh doanh theo quy định pháp luật.

2. Trường hợp thực hiện hợp đồng bằng giao nhận hàng hóa vật chất thuộc ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, cá nhân, thương nhân đáp ứng các điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật chuyên ngành có liên quan.

Điều 27. Thời gian giao dịch

1. Sở giao dịch hàng hóa công bố thời gian giao dịch cụ thể, bao gồm ngày giao dịch, phiên giao dịch, thời gian khớp lệnh giao dịch và giờ mở cửa, đóng cửa của ngày giao dịch.

2. Sở giao dịch hàng hóa có thể tạm thời thay đổi thời gian giao dịch trong các trường hợp sau đây:

a) Hệ thống giao dịch có sự cố dẫn đến việc không thể thực hiện các lệnh giao dịch như thường lệ;

b) Quá nửa số thành viên có sự cố về hệ thống chuyển lệnh giao dịch;

c) Khi xảy ra sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan theo quy định của pháp luật.

3. Khi xảy ra các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này, Sở giao dịch hàng hóa phải tạm ngừng giao dịch cho đến khi khắc phục được các trường hợp này. Trường hợp không khắc phục được trong phiên giao dịch thì phiên giao dịch được coi là kết thúc vào lần khớp lệnh ngay trước đó.

4. Sở giao dịch hàng hóa công bố kịp thời các trường hợp được quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này.

Điều 28. Phương thức và nguyên tắc khớp lệnh giao dịch

1. Sở giao dịch hàng hóa tổ chức hoạt động giao dịch mua bán hàng hóa theo các phương thức khớp lệnh tập trung, bảo đảm công khai, minh bạch và công bằng cho các bên tham gia thị trường.

2. Các phương thức giao dịch được áp dụng bao gồm:

a) Khớp lệnh định kỳ: Là phương thức xác định giá khớp lệnh tại một thời điểm xác định trong ngày giao dịch, áp dụng nguyên tắc: Mức giá thực hiện là mức giá đạt được khối lượng giao dịch lớn nhất; nếu có nhiều mức giá cùng đạt điều kiện trên thì lấy mức giá trùng hoặc gần nhất với giá thực hiện của lần khớp lệnh gần nhất; nếu vẫn có nhiều mức giá thoả mãn điều kiện trên thì lấy mức giá cao nhất;

b) Khớp lệnh liên tục theo nguyên tắc ưu tiên giá - thời gian: Là phương thức phổ biến, trong đó lệnh được xếp hàng và khớp theo thứ tự ưu tiên về giá, sau đó là thời gian nhập lệnh. Lệnh mua có giá cao hơn và lệnh bán có giá thấp hơn sẽ được ưu tiên khớp trước;

c) Khớp lệnh theo tỷ lệ khối lượng: Áp dụng đối với các hợp đồng có thanh khoản cao, lệnh mua hoặc bán tại cùng một mức giá được phân bổ khối lượng khớp lệnh theo tỷ lệ phần trăm so với tổng khối lượng lệnh đang chờ khớp tại mức giá đó;

d) Phương thức chào giá trực tiếp: Áp dụng đối với các giao dịch có khối lượng lớn hoặc sản phẩm chuyên biệt, theo đó thành viên, khách hàng gửi yêu cầu báo giá và nhận báo giá từ một hoặc nhiều đối tác giao dịch đủ điều kiện, sau đó thực hiện giao dịch nếu các điều kiện phù hợp.

3. Căn cứ điều kiện thực tế của thị trường, tính chất từng loại hàng hóa, mức độ thanh khoản và nhu cầu của thành viên, khách hàng, Sở giao dịch hàng hóa được quyền áp dụng linh hoạt một hoặc nhiều phương thức nêu tại khoản 2 Điều này.

Điều 29. Công bố thông tin giao dịch của Sở giao dịch hàng hóa

1. Sở giao dịch hàng hóa có trách nhiệm công bố công khai, minh bạch các thông tin liên quan đến hoạt động giao dịch hàng hóa trên hệ thống giao dịch theo quy định pháp luật và Điều lệ hoạt động, bao gồm:

a) Chỉ số giá giao dịch tổng hợp trong ngày giao dịch đối với từng loại hàng hóa được niêm yết, bao gồm: giá mở cửa, giá đóng cửa, mức giá cao nhất, mức giá thấp nhất và các mức giá được khớp;

b) Kết quả giao dịch theo từng phương thức khớp lệnh, bao gồm: loại hàng hóa, tổng khối lượng hàng hóa đã khớp lệnh trong ngày, khối lượng lệnh mua, lệnh bán tại các mức giá khớp lệnh;

c) Dữ liệu giao dịch tổng hợp theo từng sản phẩm, không bao gồm thông tin định danh của thương nhân, tổ chức hoặc cá nhân tham gia giao dịch;

d) Thông tin liên quan đến biên độ dao động giá, vị thế mở, khối lượng giao dịch trong phiên;

đ) Các thông báo, cảnh báo bất thường (nếu có) về biến động giá, khối lượng giao dịch, gián đoạn hệ thống hoặc các tình huống thị trường cần lưu ý.

2. Việc công bố thông tin liên quan đến kết quả giao dịch của khách hàng, thành viên kinh doanh, thành viên môi giới và các tổ chức, cá nhân tham gia thị trường chỉ được thực hiện dưới dạng dữ liệu tổng hợp, không tiết lộ thông tin cụ thể trừ trường hợp được sự đồng ý bằng văn bản của tổ chức, cá nhân có liên quan hoặc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Hình thức, thời điểm, nội dung, tần suất công bố thông tin được thực hiện theo Điều lệ hoạt động của Sở giao dịch hàng hóa.

Điều 30. Ký quỹ giao dịch

1. Việc ký quỹ giao dịch được thực hiện theo quy định tại Điều lệ hoạt động của Sở giao dịch hàng hóa.

2. Sở giao dịch hàng hóa quy định cụ thể mức ký quỹ ban đầu khi đặt lệnh giao dịch nhưng không được thấp hơn 5% trị giá của từng lệnh giao dịch.

3. Trong một thời hạn nhất định theo quy định của Điều lệ hoạt động của Sở giao dịch hàng hóa, thành viên, khách hàng phải bổ sung tiền ký quỹ khi có biến động giá. Trường hợp không bổ sung tiền ký quỹ đúng hạn, Sở giao dịch hàng hóa có quyền tất toán hợp đồng.

4. Trong trường hợp số dư tài khoản vượt mức ký quỹ theo quy định thì thành viên, khách hàng có quyền rút lại khoản vượt mức đó.

Điều 31. Thời hạn giao dịch hợp đồng

Thời hạn giao dịch hợp đồng qua Sở giao dịch hàng hóa được tính từ phiên giao dịch đầu tiên của ngày đầu tiên giao dịch hợp đồng cho đến phiên giao dịch cuối cùng của ngày cuối cùng giao dịch hợp đồng.

Điều 32. Phương thức thực hiện hợp đồng

1. Các bên giao dịch hợp đồng kỳ hạn có thể lựa chọn thực hiện hợp đồng theo một trong hai phương thức dưới đây:

a) Thanh toán bù trừ qua Trung tâm thanh toán bù trừ vào ngày hợp đồng được thực hiện;

b) Giao nhận hàng hóa qua Thành viên lưu ký, giao nhận hàng hoá hoặc khách hàng thực hiện giao nhận trực tiếp đối với giao dịch có khối lượng lớn hoặc sản phẩm chuyên biệt.

2. Các bên giao dịch hợp đồng quyền chọn có thể lựa chọn thực hiện theo một trong hai phương thức dưới đây:

a) Thực hiện quyền chọn theo các phương thức quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Không thực hiện quyền chọn.

3. Trước ngày cuối cùng giao dịch hợp đồng, theo quy định của Điều lệ hoạt động của Sở giao dịch hàng hóa, Sở giao dịch hàng hóa yêu cầu các thành viên kinh doanh lựa chọn việc thực hiện hợp đồng theo các phương thức được quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Các thành viên kinh doanh thông báo cho Sở giao dịch hàng hóa theo quy định của Điều lệ hoạt động trong trường hợp lựa chọn thực hiện hợp đồng bằng phương thức giao nhận hàng hóa.

5. Trường hợp lựa chọn thực hiện hợp đồng bằng phương thức giao nhận hàng hóa, trong một thời hạn nhất định theo quy định của Sở giao dịch hàng hóa, thành viên kinh doanh có nghĩa vụ:

a) Nộp tiền vào tài khoản nếu là bên mua;

b) Giao hàng qua Thành viên lưu ký, giao nhận hàng hoá nếu là bên bán.

Điều 33. Các biện pháp quản lý trong trường hợp khẩn cấp

1. Trường hợp xuất hiện nguy cơ gây mất ổn định thị trường giao dịch hàng hóa, ảnh hưởng đến an ninh kinh tế - tài chính, trật tự an toàn xã hội, hoặc có dấu hiệu vi phạm pháp luật nghiêm trọng liên quan đến hoạt động giao dịch, trên cơ sở phối hợp với Bộ Công an và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền, Bộ Công Thương có quyền áp dụng một hoặc một số biện pháp khẩn cấp sau:

a) Quyết định điều chỉnh giới hạn vị thế, biên độ giá đối với hàng hóa niêm yết tại Việt Nam theo từng thời kỳ trên cơ sở báo cáo của Sở giao dịch hàng hóa khi cần thiết để bảo đảm an toàn thị trường và kiểm soát rủi ro hệ thống;

b) Tạm ngừng, hạn chế hoạt động giao dịch điện tử trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch hàng hóa trong thời gian nhất định, nhằm ngăn chặn các hành vi đầu cơ, thao túng, gây rối thị trường hoặc đảm bảo an toàn hệ thống kỹ thuật;

c) Áp dụng chế độ kiểm soát đặc biệt đối với hệ thống công nghệ thông tin, bao gồm: tăng cường giám sát truy cập hệ thống, mã hóa dữ liệu giao dịch, nâng cấp hạ tầng bảo mật, kiểm soát dữ liệu đầu vào và đầu ra nhằm phòng ngừa mất an toàn thông tin hoặc bị can thiệp bất hợp pháp;

d) Công bố thông tin khẩn cấp liên quan đến giá cả, khối lượng giao dịch, diễn biến bất thường của thị trường và các rủi ro tiềm ẩn để đảm bảo minh bạch, ổn định tâm lý thị trường và phòng ngừa hành vi đầu cơ, thao túng giá;

đ) Hạn chế hoặc đình chỉ tạm thời quyền truy cập hệ thống giao dịch đối với tổ chức, cá nhân có dấu hiệu gây rối, thao túng thị trường, vi phạm quy định pháp luật hoặc không tuân thủ quy tắc giao dịch.

e) Trong trường hợp phát sinh tranh chấp hoặc sự cố giữa Sở giao dịch hàng hóa và Trung tâm thanh toán bù trừ có nguy cơ ảnh hưởng đến an toàn thị trường, Bộ Công Thương có quyền yêu cầu các bên áp dụng các biện pháp cần thiết để bảo đảm an toàn hệ thống, ổn định thị trường và bảo vệ quyền lợi của các thành viên tham gia giao dịch.

2. Trường hợp áp dụng các biện pháp tại khoản 1 Điều này, Bộ Công Thương thông báo công khai lý do, phạm vi áp dụng, thời hạn hiệu lực của biện pháp và hướng dẫn thực hiện đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 34. Ủy thác mua bán hàng hóa qua Sở giao dịch hàng hóa

1. Tổ chức, cá nhân không phải là thành viên kinh doanh của Sở giao dịch hàng hóa được phép ủy thác cho thành viên kinh doanh thực hiện các hoạt động mua bán hàng hóa qua Sở giao dịch hàng hóa.

2. Việc ủy thác được thực hiện thông qua hợp đồng ủy thác mua bán hàng hóa bằng văn bản, thể hiện rõ nội dung ủy thác, quyền và nghĩa vụ của các bên, trách nhiệm tài chính, điều kiện xử lý rủi ro và các nội dung liên quan khác.

3. Lệnh ủy thác giao dịch được thực hiện cho từng lần giao dịch cụ thể trên cơ sở hợp đồng ủy thác đã ký kết. Lệnh ủy thác có thể được lập dưới hình thức văn bản hoặc hình thức điện tử khác có thể lưu giữ, xác minh được và ghi nhận được thời điểm khởi tạo, gửi, nhận, sửa đổi hoặc hủy lệnh theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

4. Thành viên kinh doanh chỉ được thực hiện giao dịch mua bán hàng hóa cho khách hàng sau khi đã nhận được lệnh ủy thác hợp lệ từ khách hàng.

5. Trường hợp khách hàng có yêu cầu bằng văn bản về việc điều chỉnh hoặc hủy lệnh giao dịch, thành viên kinh doanh phải thực hiện điều chỉnh hoặc hủy lệnh giao dịch tương ứng trong trường hợp lệnh đó chưa được khớp.

6. Thành viên kinh doanh có trách nhiệm lưu giữ đầy đủ và an toàn các hồ sơ liên quan đến hoạt động ủy thác, bao gồm: hợp đồng ủy thác mua bán hàng hóa, lệnh ủy thác, các yêu cầu điều chỉnh hoặc hủy lệnh và các chứng từ, tài liệu liên quan khác theo thời hạn lưu trữ do pháp luật quy định.

Điều 35. Thông báo thực hiện giao dịch của thành viên

1. Ngay sau khi thực hiện các giao dịch cho khách hàng, thành viên thông báo đến khách hàng bằng văn bản hoặc hình thức điện tử khác kết quả đặt lệnh qua Sở giao dịch hàng hóa.

2. Trong trường hợp khớp lệnh, thành viên thông báo đến khách hàng các nội dung sau đây:

- a) Hình thức giao dịch;
- b) Hàng hóa giao dịch;
- c) Thời điểm và ngày giao dịch được thực hiện;

- d) Số lượng hợp đồng bán hoặc mua;
- đ) Giá cả giao dịch;
- e) Tổng trị giá các giao dịch đã thực hiện;
- g) Phí giao dịch;
- h) Các nội dung khác theo thỏa thuận với khách hàng.

3. Ngay sau khi nhận được thông báo về việc thực hiện giao dịch theo các khoản 1 và khoản 2 Điều này, nếu phát hiện thông báo không đúng hoặc không phù hợp thì khách hàng có quyền khiếu nại bằng văn bản đến các thành viên về các nội dung được thông báo.

4. Trong trường hợp thực hiện hợp đồng bằng phương thức giao nhận hàng hóa thì thành viên thông báo đến khách hàng các nội dung quy định tại các điểm quy định tại khoản 2 Điều này và các nội dung sau:

- a) Tên của kho hàng;
- b) Tên người bán hoặc người mua hàng hóa;
- c) Số chứng nhận kho hàng;
- d) Các nội dung khác theo thỏa thuận của các bên.

5. Trường hợp thông báo thực hiện giao dịch dưới hình thức điện tử thì phải bảo đảm tính toàn vẹn dữ liệu và lưu giữ được dấu vết điện tử phục vụ việc kiểm tra, đối chiếu và giải quyết tranh chấp theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

Điều 36. Thông báo tài khoản khách hàng của thành viên kinh doanh

1. Thông báo thường xuyên đến khách hàng bằng văn bản hoặc hình thức điện tử khác tình trạng tài khoản của khách hàng.

2. Trường hợp tiền ký quỹ không đủ mức cần thiết theo thỏa thuận của các bên thì thành viên kinh doanh thông báo ngay đến khách hàng và yêu cầu khách hàng ký quỹ bổ sung cho đủ mức ký quỹ cần thiết.

3. Khách hàng có quyền khiếu nại đến thành viên kinh doanh khi không đồng ý với thông tin về tình trạng tài khoản mà thành viên kinh doanh cung cấp. Thành viên kinh doanh có trách nhiệm trả lời khách hàng bằng văn bản hoặc hình thức phù hợp khác.

Điều 37. Mua bán hàng hóa qua Sở giao dịch hàng hóa ở nước ngoài

1. Thương nhân Việt Nam có quyền tham gia hoạt động mua bán hàng hóa qua Sở giao dịch hàng hóa ở nước ngoài thông qua các Sở giao dịch hàng hóa tại Việt Nam đã đăng ký liên thông.

2. Việc thanh toán, chuyển tiền đối với các giao dịch mua bán hàng hóa qua Sở giao dịch hàng hóa ở nước ngoài được thực hiện thông qua tổ chức tín dụng được phép thực hiện hoạt động ngoại hối trên cơ sở tuân thủ các quy định về quản lý ngoại hối có liên quan.

Điều 38. Đăng ký liên thông

1. Sở giao dịch hàng hóa có nhu cầu giao dịch hợp đồng được niêm yết bởi Sở giao dịch hàng hóa khác phải thực hiện thủ tục đăng ký liên thông. Sở giao dịch hàng hóa nộp 01 bộ hồ sơ về Bộ Công Thương theo một trong ba cách: gửi trực tiếp, gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc gửi qua Cổng dịch vụ công quốc gia. Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính, thành phần hồ sơ là bản chính hoặc bản sao; trường hợp nộp hồ sơ qua Cổng dịch vụ công quốc gia, thành phần hồ sơ là bản điện tử theo quy định của pháp luật.

2. Hồ sơ đăng ký liên thông gồm:

a) Giấy đề nghị đăng ký liên thông theo Mẫu số 05.GĐN quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Bản sao tài liệu về việc hợp tác liên thông giữa Sở giao dịch hàng hóa tại Việt Nam và Sở giao dịch hàng hóa nước ngoài hoặc thành viên của Sở giao dịch hàng hóa ở nước ngoài có xác nhận của cơ quan đại diện Việt Nam tại nước ngoài kèm bản dịch hợp pháp do tổ chức dịch thuật có thẩm quyền xác nhận. Nội dung thỏa thuận phải thể hiện rõ phạm vi, hình thức liên thông; cơ chế kết nối hệ thống giao dịch, thanh toán, bù trừ;

c) Các mẫu hợp đồng được giao dịch liên thông.

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký liên thông của Sở giao dịch hàng hóa, Bộ Công Thương tiến hành rà soát, trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ Bộ Công Thương có văn bản yêu cầu Sở giao dịch hàng hóa bổ sung, hoàn thiện. Trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản, doanh nghiệp có trách nhiệm bổ sung hồ sơ gửi Bộ Công Thương.

4. Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Công Thương tiến hành thẩm định, đánh giá và ban hành văn bản chấp thuận theo Mẫu số 02/QĐ-LT quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này. Trường hợp không chấp thuận, Bộ Công Thương có văn bản từ chối và nêu rõ lý do.

Điều 39. Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa

Việc xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa để giao hàng theo hợp đồng mua bán qua Sở giao dịch hàng hóa thực hiện theo quy định về quản lý hoạt động ngoại thương.

Chương V TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 40. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 9 năm 2026.
2. Các Nghị định sau hết hiệu lực kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành:

a) Nghị định số 158/2006/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa qua Sở giao dịch hàng hóa;

b) Nghị định số 51/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2006/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa qua Sở giao dịch hàng hóa.

Điều 41. Điều khoản chuyển tiếp

1. Trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực, Sở giao dịch hàng hóa đã được cấp phép thành lập trước ngày Nghị định này có hiệu lực có trách nhiệm đáp ứng các điều kiện theo quy định tại Điều 5 Nghị định này và không phải làm lại thủ tục cấp Giấy phép thành lập Sở giao dịch hàng hóa.

2. Quá thời hạn quy định tại khoản 1 Điều này mà Sở giao dịch hàng hóa không đáp ứng các điều kiện theo quy định, Bộ Công Thương có văn bản yêu cầu Sở giao dịch hàng hóa thực hiện việc tắt toàn bộ, xử lý các nghĩa vụ tài chính và các nghĩa vụ khác phát sinh từ các giao dịch đã được xác lập hợp pháp. Kể từ khi nhận được văn bản yêu cầu của Bộ Công Thương, Sở giao dịch hàng hóa không được tổ chức các hoạt động giao dịch mới.

Sau khi hoàn thành việc xử lý các giao dịch, quyền và nghĩa vụ phát sinh trước thời điểm thu hồi Giấy phép, Bộ Công Thương quyết định thu hồi Giấy phép theo quy định tại Điều 12 Nghị định này.

Điều 42. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, tổ chức, đơn vị, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, các Vụ, Cục, Công báo;
- Lưu: VT, KTTT (2b). **th**

**TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Phạm Gia Túc



Phụ lục I

*(Kèm theo Nghị định số 302/2026/NĐ-CP
ngày 01 tháng 8 năm 2026 của Chính phủ)*

Mẫu số 01.GĐN	Giấy đề nghị cấp Giấy phép thành lập Sở giao dịch hàng hóa
Mẫu số 02.GĐN	Giấy đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập Sở giao dịch hàng hóa
Mẫu số 03.GĐN	Giấy đề nghị cấp lại Giấy phép thành lập Sở giao dịch hàng hóa
Mẫu số 04. GĐN	Giấy đề nghị phê chuẩn Điều lệ hoạt động sửa đổi, bổ sung của Sở giao dịch hàng hóa
Mẫu số 05. GĐN	Giấy đề nghị đăng ký liên thông Sở giao dịch hàng hóa
Mẫu số 06. GĐN	Giấy đề nghị chấp thuận đủ điều kiện là Trung tâm thanh toán bù trừ

Mẫu số 01.GĐN

TÊN DOANH NGHIỆP **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/GĐN-

(Địa danh), ngày...tháng... năm.....

GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY PHÉP THÀNH LẬP SỞ GIAO DỊCH HÀNG HÓA

Kính gửi: Bộ Công Thương.

Tên doanh nghiệp:.....

Mã số doanh nghiệp:.....

Vốn điều lệ:

Người đại diện theo pháp luật:.....

.....

Căn cước số:..... cấp ngày.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:do.....
cấp ngày..... tháng..... năm.....

Địa chỉ trụ sở chính:.....

Điện thoại:..... Email:..... Website:.....

Đề nghị Bộ Công Thương xem xét cấp Giấy phép thành lập Sở giao dịch
hàng hóa cho doanh nghiệp với các nội dung sau:

1. Tên Sở giao dịch hàng hóa:

- Tên Sở giao dịch hàng hóa viết bằng tiếng Việt (ghi bằng chữ in hoa):.....

.....

- Tên Sở giao dịch hàng hóa viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

.....

- Tên Sở giao dịch hàng hóa viết tắt (nếu có):

2. Tên, địa chỉ nơi tổ chức giao dịch:.....

.....

3. Tên, địa chỉ nền tảng giao dịch:.....

4. Hàng hóa, hợp đồng giao dịch qua Sở giao dịch hàng hóa:.....

Doanh nghiệp cam kết những nội dung trên là đúng và hoàn toàn chịu trách
nhiệm trước pháp luật.**Hồ sơ, tài liệu gửi kèm:**

(Liệt kê đầy đủ)

1.....

2.....

3.....

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

(Chức danh, ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/GĐN-

(Địa danh), ngày...tháng... năm.....

**GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP SỬA ĐỔI, BỔ SUNG GIẤY PHÉP THÀNH LẬP
SỞ GIAO DỊCH HÀNG HÓA**

Kính gửi: Bộ Công Thương.

1. Tên doanh nghiệp:.....
 Mã số doanh nghiệp:.....
 Vốn điều lệ:
 Người đại diện theo pháp luật:.....

 Căn cước số:..... cấp ngày.....
 Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:do.....
 cấp ngày..... tháng..... năm.....
 Địa chỉ trụ sở chính:.....
 Điện thoại:..... Email:..... Website:.....
2. Tên Sở giao dịch hàng hóa (tên trên Giấy phép thành lập, bằng chữ in hoa):

 - Giấy phép thành lập Sở giao dịch hàng hóa (cấp sửa đổi, bổ sung/cấp lại lần thứ.....⁽¹⁾) số: do Bộ Công Thương cấp ngày:...../...../.....
 Đề nghị Bộ Công Thương xem xét cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập Sở giao dịch hàng hóa cho doanh nghiệp với các nội dung sau:
 - Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung:
 - Lý do sửa đổi, bổ sung:

Doanh nghiệp cam kết thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số...../2026/NĐ-CP ngày tháng... năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa qua Sở giao dịch hàng hóa và các văn bản pháp luật khác có liên quan. Doanh nghiệp cam kết những nội dung trên là đúng và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hồ sơ, tài liệu gửi kèm:

(Liệt kê đầy đủ tài liệu chứng minh yêu cầu sửa đổi, bổ sung)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

(Chức danh, ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Chú thích: ⁽¹⁾ Ghi rõ lần cấp sửa đổi, bổ sung/cấp lại (nếu có).

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/GĐN-

(Địa danh), ngày...tháng... năm.....

**GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP LẠI GIẤY PHÉP THÀNH LẬP SỞ GIAO DỊCH HÀNG HÓA**

Kính gửi: Bộ Công Thương.

1. Tên doanh nghiệp:.....
 Mã số doanh nghiệp:.....
 Vốn điều lệ:
 Người đại diện theo pháp luật:.....

 Căn cước số:..... cấp ngày.....
 Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:do.....
 cấp ngày..... tháng..... năm.....
 Địa chỉ trụ sở chính:.....
 Điện thoại:..... Email:..... Website:.....
2. Tên Sở giao dịch hàng hóa (tên trên Giấy phép thành lập, bằng chữ in hoa):

 - Giấy phép thành lập Sở giao dịch hàng hóa (sửa đổi, bổ sung lần thứ.....⁽¹⁾)
 số do Bộ Công Thương cấp ngày:...../...../.....

Đề nghị Bộ Công Thương xem xét cấp lại Giấy phép thành lập Sở giao dịch hàng hóa cho doanh nghiệp với lý do sau:

.....

Doanh nghiệp cam kết thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số...../2026/NĐ-CP ngày tháng... năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa qua Sở giao dịch hàng hóa và các văn bản pháp luật khác có liên quan. Doanh nghiệp cam kết những nội dung trên là đúng và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
 (Chức danh, ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Chú thích: ⁽¹⁾ Ghi rõ lần cấp sửa đổi, bổ sung/cấp lại (nếu có).

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/GĐN-

(Địa danh), ngày...tháng... năm.....

GIẤY ĐỀ NGHỊ
PHÊ CHUẨN ĐIỀU LỆ HOẠT ĐỘNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
CỦA SỞ GIAO DỊCH HÀNG HÓA

Kính gửi: Bộ Công Thương.

1. Tên doanh nghiệp:.....
 Mã số doanh nghiệp:.....
 Vốn điều lệ:
 Người đại diện theo pháp luật:.....

 Căn cước số:..... cấp ngày.....
 Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:do.....
 cấp ngày..... tháng..... năm.....
 Địa chỉ trụ sở chính:.....
 Điện thoại:..... Email:..... Website:.....
 2. Tên Sở giao dịch hàng hóa (tên trên Giấy phép thành lập, bằng chữ in hoa):

 - Giấy phép thành lập Sở giao dịch hàng hóa (sửa đổi, bổ sung lần thứ.....⁽¹⁾)
 số do Bộ Công Thương cấp ngày:...../...../.....

3. Nội dung đề nghị:

Đề nghị Bộ Công Thương xem xét phê chuẩn Điều lệ hoạt động sửa đổi, bổ sung của Sở giao dịch hàng hóa như sau:

- Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung:
- Lý do sửa đổi, bổ sung:

Doanh nghiệp cam kết việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ tuân thủ đầy đủ các quy định tại Nghị định số/2026/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa qua Sở giao dịch hàng hóa và các văn bản pháp luật liên quan. Doanh nghiệp cam kết những nội dung trên là đúng và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hồ sơ, tài liệu gửi kèm:

- Bản Dự thảo Điều lệ hoạt động sửa đổi, bổ sung của Sở giao dịch hàng hóa

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

(Chức danh, ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Chú thích: ⁽¹⁾ Ghi rõ lần cấp sửa đổi, bổ sung/cấp lại (nếu có).

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/GĐN-

(Địa danh), ngày....tháng.... năm.....

**GIẤY ĐỀ NGHỊ
ĐĂNG KÝ LIÊN THÔNG SỞ GIAO DỊCH HÀNG HÓA**

Kính gửi: Bộ Công Thương.

1. Tên doanh nghiệp:.....
 Mã số doanh nghiệp:.....
 Vốn điều lệ:
 Người đại diện theo pháp luật:.....

 Căn cước số:..... cấp ngày.....
 Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:do.....
 cấp ngày..... tháng..... năm.....
 Địa chỉ trụ sở chính:.....
 Điện thoại:..... Email:..... Website:.....
 2. Tên Sở giao dịch hàng hóa (tên trên Giấy phép thành lập, bằng chữ in hoa):

 - Giấy phép thành lập Sở giao dịch hàng hóa (sửa đổi, bổ sung lần thứ.....⁽¹⁾)
 số do Bộ Công Thương cấp ngày:...../...../.....
 3. Nội dung đề nghị:
 3.1. Tên, địa chỉ của Sở giao dịch hàng hóa niêm yết hợp đồng dự kiến giao
 dịch liên thông:.....
 3.2. Các hợp đồng giao dịch liên thông:

 Doanh nghiệp cam kết việc liên thông tuân thủ đầy đủ các quy định tại Nghị
 định số/2026/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2026 của Chính phủ quy định
 chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thương mại về hoạt động mua bán
 hàng hóa qua Sở giao dịch hàng hóa và các văn bản pháp luật liên quan. Doanh
 nghiệp cam kết những nội dung trên là đúng và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước
 pháp luật.

Hồ sơ, tài liệu gửi kèm:

1. Bản sao tài liệu về việc hợp tác liên thông;
2. Bản sao thỏa thuận kết nối nền tảng giao dịch;
3. Các mẫu hợp đồng giao dịch liên thông.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

(Chức danh, ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Chú thích: ⁽¹⁾ Ghi rõ lần cấp sửa đổi, bổ sung/cấp lại (nếu có).

Mẫu số 06.GĐN

TÊN DOANH NGHIỆP **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/GĐN-

(Địa danh), ngày...tháng... năm.....

GIẤY ĐỀ NGHỊ
CHẤP THUẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN LÀ TRUNG TÂM THANH TOÁN BÙ TRỪ

Kính gửi: Bộ Công Thương.

1. Tên doanh nghiệp:.....
 Mã số doanh nghiệp:.....
 Vốn điều lệ:
 Người đại diện theo pháp luật:.....

 Căn cước số:..... cấp ngày.....
 Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:do.....
 cấp ngày..... tháng..... năm.....
 Địa chỉ trụ sở chính:.....
 Điện thoại:..... Email:..... Website:.....
 - Là Trung tâm thanh toán bù trừ của Sở giao dịch hàng hóa (tên trên Giấy
 phép thành lập, bằng chữ in hoa):.....⁽²⁾
 Giấy phép thành lập Sở giao dịch hàng hóa (sửa đổi, bổ sung lần thứ.....⁽¹⁾)
 số do Bộ Công Thương cấp ngày:...../...../.....

2. Nội dung đề nghị:

Đề nghị Bộ Công Thương xem xét chấp thuận cho doanh nghiệp đủ điều kiện
 là Trung tâm thanh toán bù trừ của Sở giao dịch hàng hóa⁽³⁾ sau:

-
 -

Doanh nghiệp cam kết tuân thủ đầy đủ các quy định tại Nghị định số
/2026/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết
 một số điều và biện pháp thi hành Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng
 hóa qua Sở giao dịch hàng hóa và các văn bản pháp luật liên quan. Doanh nghiệp
 cam kết những nội dung trên là đúng và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hồ sơ, tài liệu gửi kèm:

Điều lệ hoạt động của Trung tâm
 thanh toán bù trừ; Tài liệu chứng
 minh đáp ứng đầy đủ các điều kiện về
 tổ chức Trung tâm thanh toán bù trừ

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

(Chức danh, ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Chú thích:

- ⁽¹⁾ Ghi rõ lần cấp sửa đổi, bổ sung/cấp lại (nếu có);
⁽²⁾ Ghi tên của Sở giao dịch hàng hóa đã được cấp Giấy phép thành lập. Nếu chưa là Trung tâm
 thanh toán bù trừ của Sở giao dịch hàng hóa nào thì để trống;
⁽³⁾ Ghi tên của Sở giao dịch hàng hóa đã được cấp Giấy phép thành lập.



Phụ lục II

(Kèm theo Nghị định số 302/2026/NĐ-CP
ngày 01 tháng 8 năm 2026 của Chính phủ)

Mẫu số 01.GP	Giấy phép thành lập Sở giao dịch hàng hóa
Mẫu số 02/QĐ-LT	Quyết định về việc chấp thuận đăng ký liên thông
Mẫu số 03.CT.TTBT	Quyết định về việc chấp thuận đủ điều kiện là Trung tâm thanh toán bù trừ

BỘ CÔNG THƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../GP-BCT

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....

**GIẤY PHÉP
THÀNH LẬP SỞ GIAO DỊCH HÀNG HÓA***Cấp lần thứ nhất: ngày... tháng... năm...**Cấp sửa đổi, bổ sung lần thứ...: ngày... tháng... năm...**Cấp lại lần thứ...: ngày... tháng... năm...***BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG***Căn cứ⁽¹⁾.....;**Căn cứ Nghị định số ... /2026/NĐ-CP ngày .. tháng ... năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa qua Sở giao dịch hàng hóa;**Xét hồ sơ đề nghị cấp/cấp sửa đổi, bổ sung/cấp lại Giấy phép thành lập Sở giao dịch hàng hóa theo Giấy đề nghị số:.....của.....⁽²⁾.....;**Theo đề nghị của⁽³⁾.....***QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.** Cấp Giấy phép thành lập Sở giao dịch hàng hóa cho.....⁽²⁾.....*- Mã số doanh nghiệp:.....**- Địa chỉ trụ sở chính:**- Điện thoại:..... Email:..... Website:.....***1. Tên Sở giao dịch hàng hóa:***- Tên Sở giao dịch hàng hóa viết bằng tiếng Việt⁽⁴⁾:.....**- Tên Sở giao dịch hàng hóa bằng tiếng nước ngoài (nếu có):**- Tên Sở giao dịch hàng hóa viết tắt (nếu có):.....***2. Địa chỉ nơi tổ chức giao dịch:****3. Tên, địa chỉ nền tảng giao dịch:.....****4. Hàng hóa, hợp đồng giao dịch qua Sở giao dịch hàng hóa:**

Điều 2.⁽²⁾ phải thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số/2026/NĐ-CP ngày..... tháng..... năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa qua Sở giao dịch hàng hóa và các văn bản pháp luật liên quan.

Điều 3. Giấy phép thành lập Sở giao dịch hàng hóa này có hiệu lực kể từ ngày ký, thay thế⁽⁵⁾ cho Giấy phép thành lập Sở giao dịch hàng hóa số .../GP-BCT ngày ... tháng ... năm ... của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

Nơi nhận:

-⁽²⁾;
-⁽⁶⁾;
- Lưu: VT,⁽³⁾.

BỘ TRƯỞNG

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Chú thích:

- (1): Tên văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan cấp phép.
- (2): Tên doanh nghiệp được cấp Giấy phép.
- (3): Tên đơn vị trình.
- (4): Ghi bằng chữ in hoa.
- (5): Sử dụng trong trường hợp cấp sửa đổi, bổ sung/cấp lại Giấy phép.
- (6): Các cơ quan, đơn vị liên quan cần gửi Giấy phép.

BỘ CÔNG THƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../QĐ-BCT

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....

QUYẾT ĐỊNH
Về việc chấp thuận đăng ký liên thông**BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG**

Căn cứ⁽¹⁾.....;
 Căn cứ Nghị định số..... /2026/NĐ-CP ngày .. tháng ... năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa qua Sở giao dịch hàng hóa;
 Xét hồ sơ đề nghị chấp thuận đăng ký liên thông theo Giấy đề nghị số..... của:.....⁽²⁾.....;
 Theo đề nghị của⁽³⁾.....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấp thuận cho- Giấy phép thành lập số:..... ngàytháng.....năm..... được liên thông với Sở giao dịch hàng hóavới các nội dung sau:

1. Tên Sở giao dịch hàng hóa liên thông:
 - Tên Sở giao dịch hàng hóa viết bằng tiếng Việt⁽⁴⁾:.....
 - Tên Sở giao dịch hàng hóa viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):
 - Tên Sở giao dịch hàng hóa viết tắt (nếu có):.....
2. Địa chỉ của Sở giao dịch hàng hóa liên thông:.....
3. Hàng hóa, hợp đồng giao dịch được liên thông:.....

Điều 2.⁽²⁾ phải thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số/2026/NĐ-CP ngày..... tháng..... năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa qua Sở giao dịch hàng hóa và các văn bản pháp luật liên quan.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

-⁽²⁾;
-⁽⁵⁾;
- Lưu: VT,⁽³⁾.

BỘ TRƯỞNG

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Chú thích:

- (1): Tên văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan cấp phép.
- (2): Tên doanh nghiệp.
- (3): Tên đơn vị trình.
- (4): Ghi bằng chữ in hoa.
- (5): Các cơ quan, đơn vị liên quan cần gửi Quyết định.

BỘ CÔNG THƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../QĐ-BCT

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....

QUYẾT ĐỊNH**Về việc chấp thuận đủ điều kiện là Trung tâm thanh toán bù trừ****BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG***Căn cứ⁽¹⁾.....;**Căn cứ Nghị định số/2026/NĐ-CP ngày .. tháng ... năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa qua Sở giao dịch hàng hóa;**Xét hồ sơ đề nghị chấp thuận đủ điều kiện là Trung tâm thanh toán bù trừ của Sở giao dịch hàng hóa theo Giấy đề nghị số..... của:.....⁽²⁾.....;**Theo đề nghị của⁽³⁾.....***QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.** Chấp thuận cho.....⁽²⁾..... - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:..... ngàytháng.....năm..... đủ điều kiện là Trung tâm thanh toán bù trừ của Sở giao dịch hàng hóa sau:

1. Tên Sở giao dịch hàng hóa:

- Tên Sở giao dịch hàng hóa viết bằng tiếng Việt⁽⁴⁾:.....

- Tên Sở giao dịch hàng hóa viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

- Tên Sở giao dịch hàng hóa viết tắt (nếu có):.....

2. Địa chỉ, điện thoại, website của Sở giao dịch hàng hóa:

- Địa chỉ:.....

- Điện thoại:.....

- Website:.....

Điều 2.⁽²⁾ phải thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số/2026/NĐ-CP ngày..... tháng..... năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa qua Sở giao dịch hàng hóa và các văn bản pháp luật liên quan.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

-⁽²⁾;
-⁽⁵⁾;
- Lưu: VT,⁽³⁾.

BỘ TRƯỞNG

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Chú thích:

- (1): Tên văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan cấp phép;
- (2): Tên doanh nghiệp;
- (3): Tên đơn vị trình;
- (4): Ghi bằng chữ in hoa;
- (5): Các cơ quan, đơn vị liên quan cần gửi Quyết định.



Phụ lục III

CHI TIẾT YÊU CẦU HỆ THỐNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

(Kèm theo Nghị định số 302/2026/NĐ-CP

ngày 01 tháng 8 năm 2026 của Chính phủ)

A. YÊU CẦU ĐỐI VỚI HỆ THỐNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CỦA SỞ GIAO DỊCH HÀNG HÓA

I. Yêu cầu đối với nền tảng giao dịch điện tử

1. Hệ thống giao dịch điện tử phải bảo đảm hoạt động ổn định, liên tục, an toàn và có khả năng xử lý giao dịch theo thời gian thực.
2. Hệ thống phải đáp ứng tối thiểu các chức năng:
 - a) Niêm yết hàng hóa;
 - b) Đặt lệnh, sửa lệnh, hủy lệnh;
 - c) Khớp lệnh và xác nhận kết quả giao dịch;
 - d) Quản lý vị thế giao dịch;
 - đ) Công bố thông tin thị trường;
 - e) Lưu trữ dữ liệu giao dịch và nhật ký hệ thống.
3. Dữ liệu giao dịch, dữ liệu lệnh, dữ liệu khớp lệnh và nhật ký hệ thống phải được lưu trữ theo phương thức bảo đảm tính toàn vẹn, khả năng truy xuất và không cho phép chỉnh sửa trái phép; thời gian lưu trữ tối thiểu là 05 năm.
4. Hệ thống phải có khả năng mở rộng năng lực xử lý phù hợp với quy mô thị trường và số lượng thành viên tham gia giao dịch.
5. Hệ thống giao dịch điện tử phải có trung tâm dữ liệu dự phòng độc lập và cơ chế chuyển đổi dự phòng nhằm bảo đảm duy trì hoạt động trong trường hợp xảy ra sự cố kỹ thuật hoặc thảm họa.

II. Yêu cầu đối với hệ thống giám sát giao dịch

1. Hệ thống giám sát giao dịch phải có khả năng:
 - a) Theo dõi hoạt động giao dịch theo thời gian thực;
 - b) Phát hiện và cảnh báo các giao dịch bất thường;
 - c) Theo dõi giới hạn vị thế, giới hạn giao dịch và biến động giá;
 - d) Lưu giữ dữ liệu phục vụ công tác kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm.
2. Hệ thống phải ghi nhận đầy đủ nhật ký truy cập, nhật ký thao tác và lịch sử xử lý nghiệp vụ của người sử dụng.

3. Dữ liệu giám sát và nhật ký hệ thống phải được lưu trữ theo phương thức không cho phép chỉnh sửa hoặc xóa trái phép.

III. Yêu cầu về kết nối, chia sẻ và cung cấp dữ liệu

1. Hệ thống công nghệ thông tin của Sở giao dịch hàng hóa phải có khả năng kết nối an toàn với:

- a) Thành viên của Sở giao dịch hàng hóa;
- b) Trung tâm thanh toán bù trừ;
- c) Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

2. Việc kết nối, chia sẻ và cung cấp dữ liệu phải bảo đảm:

- a) Chính xác, đầy đủ và kịp thời;
- b) Đồng bộ dữ liệu;
- c) An toàn và bảo mật thông tin;
- d) Khả năng kiểm tra, đối chiếu và truy xuất dữ liệu khi cần thiết.

3. Đối với hàng hóa thuộc trường hợp phải truy xuất nguồn gốc theo quy định pháp luật chuyên ngành, hệ thống phải có khả năng lưu trữ, kết nối và cung cấp dữ liệu truy xuất nguồn gốc phục vụ công tác quản lý nhà nước và kiểm tra, giám sát thị trường.

B. YÊU CẦU ĐỐI VỚI HỆ THỐNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CỦA TRUNG TÂM THANH TOÁN BÙ TRỪ

I. Yêu cầu đối với hệ thống quản lý ký quỹ và thanh toán bù trừ

1. Hệ thống quản lý ký quỹ và thanh toán bù trừ phải có khả năng:

- a) Quản lý số dư ký quỹ và tài sản bảo đảm;
- b) Quản lý vị thế mở của thành viên và khách hàng;
- c) Tính toán nghĩa vụ thanh toán;
- d) Thực hiện bù trừ giao dịch;
- đ) Cảnh báo thiếu hụt ký quỹ và rủi ro thanh toán.

2. Hệ thống phải cho phép theo dõi, đối soát và lưu trữ đầy đủ dữ liệu thanh toán, dữ liệu bù trừ và lịch sử xử lý giao dịch.

3. Hệ thống công nghệ thông tin của Trung tâm thanh toán bù trừ phải được thiết kế độc lập với hệ thống giao dịch của Sở giao dịch hàng hóa nhằm bảo đảm an toàn dữ liệu, quản trị vận hành và kiểm soát rủi ro.

4. Hệ thống phải có khả năng kết nối, trao đổi dữ liệu an toàn, liên tục và đồng bộ với hệ thống công nghệ thông tin của Sở giao dịch hàng hóa.

5. Trường hợp áp dụng mô hình Trung tâm thanh toán bù trừ tập trung, hệ thống phải hỗ trợ cơ chế quản lý nghĩa vụ thanh toán và quản trị rủi ro đối với các bên tham gia giao dịch.

C. YÊU CẦU CHUNG VỀ AN NINH MẠNG, AN TOÀN THÔNG TIN VÀ DỰ PHÒNG HỆ THỐNG

I. Yêu cầu chung

Hệ thống công nghệ thông tin của Sở giao dịch hàng hóa và Trung tâm thanh toán bù trừ phải đáp ứng quy định của pháp luật về giao dịch điện tử, ứng dụng dịch vụ tin cậy, an toàn thông tin mạng, an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu cá nhân.

II. Yêu cầu về bảo mật hệ thống

Hệ thống phải áp dụng các biện pháp bảo mật phù hợp, bao gồm:

1. Xác thực và phân quyền truy cập.
2. Mã hóa dữ liệu truyền nhận trên môi trường mạng.
3. Kiểm soát truy cập trái phép.
4. Giám sát và cảnh báo an ninh hệ thống.

III. Yêu cầu về sao lưu và dự phòng hệ thống

Sở giao dịch hàng hóa và Trung tâm thanh toán bù trừ phải:

1. Thiết lập cơ chế sao lưu dữ liệu định kỳ.
2. Có hệ thống máy chủ dự phòng.
3. Có phương án khôi phục hoạt động khi xảy ra sự cố.
4. Thực hiện kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin định kỳ.

IV. Yêu cầu về khôi phục hệ thống

Hệ thống phải bảo đảm:

1. Thời gian phục hồi hệ thống sau sự cố không vượt quá 04 giờ.
2. Khả năng khôi phục dữ liệu giao dịch đến thời điểm trước khi xảy ra sự cố không quá 15 phút.